

Bản án số:32/2026/HNGĐ - ST
Ngày 04/3/2026
V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Thiêm
2. Bà Đỗ Thị Thu Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Chương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 268/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nông Thị Khánh M**, sinh năm 1998

Địa chỉ: **Bản E, xã N, tỉnh Thái Nguyên**

Bị đơn: Anh **Phạm Văn D**, sinh năm 1997

Địa chỉ: **thôn L, xã T, tỉnh Hưng Yên**

(Tại phiên tòa vắng mặt chị **M**, anh **D**. Chị **M**, anh **D** có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị **Nông Thị Khánh M** trình bày: Chị và anh **Phạm Văn D** kết hôn do tự nguyện có đăng ký hôn vào ngày 14/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **Đ**, tỉnh **Thái Bình** (nay là Ủy ban nhân dân xã **T**, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến ngày 10/12/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh **Phạm Văn D**.

Về con chung: Chị và anh **Phạm Văn D** có 01 con chung là **Phạm Huyền T**, sinh ngày 07/11/2019, hiện con đang ở với anh **D**. Ly hôn, chị nhường quyền nuôi con chung cho anh **D** và chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh **D**.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn là anh **Phạm Văn D** trình bày: Anh và chị **Nông Thị Khánh M** kết hôn do tự nguyện có đăng ký hôn vào ngày 14/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **Đ**, tỉnh **Thái Bình** (nay là Ủy ban nhân dân xã **T**, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh nghi ngờ chị **M** không chung thủy. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị **M** xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị **Nông Thị Khánh M** có 01 con chung là **Phạm Huyền T**, sinh ngày 07/11/2019, hiện con đang ở với anh. Ly hôn, anh xin được nuôi con chung **Phạm Huyền T**, anh không yêu cầu chị **M** cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hiện anh làm nhân viên tại công ty sản xuất gấu bông thu nhập bình quân 12.000.000 đồng/tháng, anh đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn – chị **Nông Thị Khánh M** và bị đơn - anh **Phạm Văn D** đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nông Thị Khánh M**: Xử cho chị **M** được ly hôn anh **Phạm Văn D**. Về con chung, đề nghị xử giao con **Phạm Huyền T**, sinh ngày 07/11/2019 cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, chị **M**, anh **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên không đặt ra giải quyết. Chị **M** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh **Phạm Văn D** có hộ khẩu thường trú tại **xã T, tỉnh Hưng Yên**, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Nguyên đơn chị **Nông Thị Khánh M** và bị đơn anh **Phạm Văn D** có đơn xin xét vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị **M** và anh **D**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **M** kết hôn với anh **D** ngày 14/4/2019 tại **Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình** (nay là **Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Hưng Yên**) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh **D** nghi ngờ chị **M** không chung thủy. Chị **M** xin ly hôn, anh **D** đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị **M** và anh **D** đã sống ly thân từ đầu năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **M** và anh **D** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **M** xử cho chị **M** được ly hôn anh **D** là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị **M** và anh **D** có 01 con chung là **Phạm Huyền T**, sinh ngày 07/11/2019. Ly hôn, anh **D** xin được nuôi con chung **Phạm Huyền T**, chị **M** đồng ý nhường quyền nuôi con cho anh **D**. Vì vậy, cần giao con chung **Phạm Huyền T** cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh **D** không yêu cầu chị **M** cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là tự nguyện cần chấp nhận. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Chị **M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị **M** và anh **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị **M** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị **M** và anh **D** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nông Thị Khánh M** được ly hôn anh **Phạm Văn D**.

2. Về con chung: Xử giao con chung **Phạm Huyền T**, sinh ngày 07/11/2019 cho anh **Phạm Văn D** trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh **D** không yêu cầu chị **M** cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Chị **M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị **Nông Thị Khánh M** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị **M** đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004286 ngày 24/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **M**, anh **D** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Tiên Hưng;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Lan Phương

